

Số: 18a/QĐ-CDKTCNVĐ

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Việt - Đức**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ VIỆT - ĐỨC

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3668/QĐ- BCT ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Việt - Đức;

Căn cứ Quyết định số 3790/QĐ- BCT ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3823/QĐ- BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính- Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Việt - Đức (Theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Niêm yết tại Trụ sở làm việc và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị.



Điều 3. Các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / *hm*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Minh Thái



Đơn vị: Trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ Việt - Đức

Chương: 016

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Quyết định số 3790/QĐ-BCT ngày 30/12/2025 của Bộ Công Thương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	300.000.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	300.000.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	300.000.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	300.000.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	



Đơn vị: Trường Cao Đẳng Kỹ thuật công nghệ Việt - Đức

Chương: 016

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2026

(Quyết định số 3823/QĐ-BCT ngày 31/12/2025 của Bộ Công Thương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	46.116.754.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	46.116.754.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	46.116.754.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	46.116.754.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	



Số TT	Nội dung	Dự toán năm
1	2	3
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	



Số: 3790 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

TRƯỜNG CĐKTCN VIỆC VIỆC	
CV	Số: 13
ĐẾN	Ngày: 16 tháng 01 năm 2026
	Chuyên:

Về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2026.

Căn cứ các Quyết định số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Công Thương: số 6089/BCT-KHTC ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; và số 8087/BCT-KHTC ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc báo cáo phương án dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 các dự án thuộc Bộ Công Thương tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch có trách nhiệm:

1. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư công, đấu thầu và xây dựng công trình.

2. Căn cứ số kế hoạch được giao tại quyết định này, các đơn vị chủ động: (i) xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân hàng tháng cho từng nhiệm vụ, dự án; (ii) phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh. **Báo cáo Bộ nội dung triển khai trước ngày 31 tháng 01 năm 2026.**

3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gần trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; **phần đầu tỷ lệ giải ngân năm 2026 đạt tối thiểu 95% kế hoạch được giao**; tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo Quy định số 366-QĐ/TW ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị.

4. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, khắc phục triệt để tình trạng chậm triển khai thực hiện dự án đầu tư công, chậm giải ngân vốn đầu tư công; hạn chế tối đa việc chuyển nguồn. Nâng cao chất lượng đề xuất, công tác chuẩn bị, phê duyệt dự án ODA.

5. Định kỳ **trước ngày 03 hằng tháng**, các đơn vị gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 (gồm: *giải ngân tháng trước và ước giải ngân tháng tiếp theo*) về Bộ Công Thương (thông qua Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp).

6. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 theo quy định của pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Bộ trưởng, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin, số liệu, tính đầy đủ, tuân thủ tiêu chuẩn, định mức; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

7. Tuân thủ chế độ báo cáo về tình hình hoạt động đấu thầu; về giám sát, đánh giá đầu tư và quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; các Nghị định: số 85/2025/NĐ-CP và số 275/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ; Cục trưởng Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công; Thủ trưởng các đơn vị được giao kế hoạch đầu tư công năm 2026 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Quyền Bộ trưởng (để b/c);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- KBNN địa phương - nơi đơn vị giao dịch;
- Website Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHTC (quanbt).



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phan Thị Thắng

Phan Thị Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SÀO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 81, quyền số 11020 - SCT/BS
Ngày 16 tháng 1 năm 20 26



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Đăng Quang**



BẢN SAO

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3 8 2 3 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

TRƯỜNG CĐKTCN VIỆT-ĐỨC	
CV	Số:.....102.....
ĐẾN	Ngày: 14 tháng 01 năm 2026
	Chuyên:.....

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 109/2025/NĐ-CP và Nghị định số 193/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025; Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương (phụ lục đính kèm).**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực.....76....., quyền số.....11026.....-SCT/BS

Ngày 16 tháng 1 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Q. Bộ trưởng Lê Mạnh Hùng (để bc);
- Vụ KTN-BTC;
- Vụ NSNN-BTC;
- Hệ thống TABMIS;
- Công thông tin điện tử BCT;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****CÔNG CHỨNG VIÊN
Trương Đăng Quang**

Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG
Chương 016

PHỤ LỤC GIAO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026

Tên đơn vị SDNS: Trường Cao đẳng CN Việt Đức

KBNN nơi đơn vị giao dịch: KBNN Khu vực VII

Mã số SDNS của đơn vị: 1054147

Mã số KBNN: 2261

(Kèm theo Quyết định số 3823 /QĐ-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số
I	<u>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</u>	
1	<u>Số thu phí, lệ phí</u>	0,000
	Học phí, lệ phí	0,000
2	<u>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</u>	0,000
	Học phí, lệ phí	
3	<u>Số phí, lệ phí nộp NSNN</u>	
I	<u>Số giao dự toán ngân sách năm 2026</u>	46.116,754
	Trong đó: Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	46.116,754
	Kinh phí nghiên cứu KHCN	
	Chi tiết theo loại khoản	
I	Sự nghiệp Giáo dục đào tạo	43.858,754
1	Kinh phí chi thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	22.130,000
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ (bao gồm: Tự chủ và mua sắm, sửa chữa)	22.130,000
2	Kinh phí thực hiện nghị định 238/2025/NĐ-CP (MGHP) - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	19.000,000
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	19.000,000
3	Kinh phí thực hiện định Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	290,000
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	290,000
4	Kinh phí không tự chủ thực hiện Tinh giản biên chế - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	2.438,754
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	2.438,754

5	Kinh phí Quỹ tiền thưởng - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	1.758,000
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	1.758,000
6	Kinh phí tiết kiệm 10% - Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng - Loại 070 khoản 093	500,000
	Kinh phí giao tự chủ	0,000
	Kinh phí không giao tự chủ	500,000

Ghi chú: Quyết định số 2638/QĐ- TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ

(*)Bổ sung Kinh phí TX tự chủ năm 2025 - Loại 070 khoản 093: 500,00

(*) Kinh phí TX tự chủ năm 2026 - Loại 070 khoản 093: 17.580,00

- Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm về số lượng học sinh, sinh viên tuyển sinh theo đúng chỉ tiêu được Tổng cục dạy nghề giao hàng năm, không vượt quy mô tuyển sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các đơn vị rà soát, tổng hợp hồ sơ chi tiết các đối tượng được hưởng chính sách, chế độ theo quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP, 97/2023/NĐ-CP và 238/2025/NĐ-CP; Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg; Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg và thực hiện, thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

(**) Loại 070-093 Giáo dục nghề nghiệp trình độ cao đẳng (Kinh phí chi thường xuyên thực hiện mua sắm thiết bị; sửa chữa hạng mục): 4,050 triệu đồng, bao gồm:

+ Sửa chữa hạng mục: Sửa chữa nhà ăn học sinh, sinh viên; Sửa chữa trung tâm thực hành công nghệ ô tô Việt Đức; Sửa chữa Trung tâm tuyển sinh; Sửa chữa nhà A3 + A4 KTX...